TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2022
"V/v Tranh chấp ly hôn, hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hồng Phong

2/ Ông Trần Văn Nhị

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09/12/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Võ Thị K**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 2, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp 2, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp BC 1, xã BT, huyện X, tỉnh Long An.

- Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 2, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

- Ngân hàng Y. Địa chỉ: phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp là: Ông Hồ Hoàng Tr - Chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Y huyện X. Địa chỉ: Số 1 Khu dân cư thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông Nguyễn Văn D có mặt. Các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị K trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông D kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã LT. Trong quá trình chung sống, bà và ông D không có tiếng nói chung. Khoảng 4 năm nay, ông D thường xuyên đánh đập bà. Nguyên nhân trước đây, ông D có người phụ nữ khác nên ông D đánh bà. Năm 2021, bà đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện X nhưng sau đó rút đơn do thương con còn nhỏ. Khi quay về sống chung, ông D vẫn tiếp tục chửi và đánh bà. Bà và ông D đã ly thân được 5 tháng. Nay không thể hàn gắn được cuộc hôn nhân này nên bà xin ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 04/9/2005 khi ly hôn, bà nhường quyền nuôi dưỡng con chung TT cho ông D và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Khoản nợ 1: Bà và ông D có nợ ông Võ Văn D 30.000.000 đồng. Khi vay tiền, ông Võ Văn D có làm giấy tay mượn tiền ngày 20/01/2020, bà và ông D có ký và viết tên. Bà đồng ý liên đới với ông D trả 30.000.000 đồng cho ông Dững, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến hết tháng 01/2023 (3.000.000 đồng x 10 tháng = 30.000.000 đồng).

Khoản nợ 2: Bà và ông D có vay Ngân hàng Y số tiền 50.000.000 đồng ngày 09/02/2021. Bà và ông D thống nhất chia trách nhiệm trả nợ mỗi người trả 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà đề nghị với Ngân hàng Y xin được trả nợ vào ngày 30/6/2022 vì hiện nay không có tiền.

Khoản nợ 3: Vợ chồng bà có nợ tiền vay và tiền hụi của bà Trần Thị Thu Th gồm tiền vay là 20.000.000 đồng như bà Th khởi kiện và nợ tiền hụi chết của dây hụi khui ngày 25/5/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, gồm 24 phần. Bà tham gia 1 phần tên trong phiêu hụi "Chị D E". Bà thống nhất trách nhiệm trả nợ vay và đóng hụi chết là thuộc về ông D. Bà không có trách nhiệm nữa. Việc bà Th rút toàn bộ đơn khởi kiện bà không có ý kiến gì.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và con chung như bà K trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hiểu lầm chứ ông đâu có đánh bà K hoài như bà K trình bày. Bà K đã bỏ nhà đi gần 5 tháng. Ông có kêu nhưng bà K không chịu về, bà K tránh mặt ông. Ông không đồng ý ly hôn với bà K là vì 2 con. Trường hợp Tòa án xử phải ly hôn, ông đồng ý nuôi dưỡng con chung Thủy Tiên, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà K không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Khoản nợ 1: Nợ ông Võ Văn D số tiền 30.000.000 đồng ngày 20/01/2020. Số tiền này do nuôi cá bị lỗ nên vợ chồng ông mượn trả nợ. Khi mượn hứa 3 bốn tháng trả, lãi suất thỏa thuận 600.000 đồng/tháng, từ tháng 01/2022 đến nay ông không trả lãi nữa.

Ông đồng ý liên đới với bà K trả 30.000.000 đồng tiền nợ gốc cho ông Dũng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến hết tháng 01/2023 (3.000.000 đồng x 10 tháng = 30.000.000 đồng).

Khoản nợ 2: Ông thừa nhận vợ chồng ông có nợ bà Th 20.000.000 đồng và tiền hụi chết của dây hụi khui ngày 25/5/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, gồm có 24 phần. Bà K tham 1 phần tên trong phiêu hụi "Chị D E". Ông xác định trách nhiệm đóng tiền hụi chết và trả tiền vay là của cá nhân ông. Việc bà Th rút đơn khởi kiện, ông không có ý kiến gì.

Khoản nợ 3: Ông và bà K có nợ Ngân hàng Y khoản vay thuộc diện hộ cận nghèo vào ngày 09/02/2021, thời hạn 5 năm, lãi suất 0.66%/tháng. Ông và bà K đã đã vi phạm chưa trả nợ phân kỳ năm đầu tiên là 10.000.000 đồng. Nay ông đồng ý chia đôi trách nhiệm trả nợ ông, bà K mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh sau này. Đối với phần nợ 25.000.000 đồng của ông mà Ngân hàng Y chưa khởi kiện thì ông không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày tại buổi hòa giải ngày 09/3/2022 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

- Ông Võ Văn D trình bày: Vợ chồng bà K, ông D có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng ngày 20/01/2020. Khi vay, vợ chồng bà K hứa 3 bốn tháng trả, lãi suất 600.000 đồng/tháng, từ tháng 01/2022 đến nay vợ chồng bà K không có trả lãi nữa.

Nay vợ chồng bà K ly hôn nên ông yêu cầu vợ chồng bà K trả cho ông 30.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ông đồng ý cho vợ chồng bà K, ông D trả mỗi tháng 3.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến hết tháng 01/2023 (3.000.000 đồng x 10 tháng = 30.000.000 đồng).

- Bà Trần Thị Thu Th trình bày:

Bà có cho vợ chồng bà K, ông D vay tiền và tham gia hụi như sau:

Tiền vay: Vào năm 2020, bà có cho vợ chồng bà K và ông D vay 20.000.000 đồng (không nhớ ngày tháng cụ thể). Bà đã trực tiếp đưa cho bà K số tiền 20.000.000 đồng (không làm giấy). Sau đó, vợ chồng ông D, bà K vay thêm 20.000.000 đồng (bà trực tiếp đưa ông D 20.000.000 đồng, không làm giấy tờ). Tổng cộng ông D, bà K vay của bà là 40.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền hai khoản vay là 5 tháng kể từ ngày vay.

Sau đó, bà K hốt hụi (dây 3.000.000 đồng khui ngày 20/12/2020 âm lịch) đã trực tiếp trả cho bà 10.000.000 đồng. Sau đó, ông D hốt hụi (dây 2.000.000 đồng ngày khui 10/8/2021 âm lịch) có trả cho bà 10.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông D, bà K đã trả cho bà 20.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi vợ chồng ông D đóng bao nhiêu bà không nhớ. Vợ chồng ông D, bà K còn nợ bà 20.000.000 đồng tiền gốc.

Tiền hụi: Bà Võ Thị K có tham gia 01 dây hụi do bà làm chủ, hụi khui ngày 25/5/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, hoa hồng 500.000 đồng, gồm 24 phần. Bà K tham 1 phần tên trong phiêu hụi "Chị D E" là tên thường gọi của chồng bà K. Bà K hốt hụi kỳ thứ 5 ngày 25/9/2020, bỏ phiêu 750.000 đồng. Bà K hốt hụi được 31.750.000 đồng. Hụi đang kỳ thứ 16, bà K nợ 02 kỳ hụi chết thứ 15 và 16 là (2.000.000 đồng x 2 kỳ = 4.000.000 đồng). Bà đã đóng hụi thay cho bà K, ông D là 4.000.000 đồng. Việc bà K chơi và hốt hụi ông D biết và có đóng hụi cho bà. Trong đơn yêu cầu độc lập bà yêu cầu tòa án giải quyết:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị K liên đới trả cho bà 20.000.000 đồng đã vay, không yêu cầu lãi suất.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị K liên đới phải trả tiền hụi chết mà bà đã đóng thay là 4.000.000 đồng. (tạm tính tới ngày khởi kiện).

Nay do ông D đồng ý lãnh trách nhiệm 1 mình đóng tiền hụi chết và trả tiền vay nêu trên nên bà rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Ngân hàng Y ông Hồ Hoàng Triệu trình bày:*

Ông D và bà K có vay của Ngân hàng Y theo diện hộ cận nghèo vào ngày 09/02/2021, thời hạn vay 5 năm, lãi suất 0.66%/tháng. Ông D và bà K đã trả lãi

đầy đủ nhưng chỉ vi phạm trả nợ gốc phân kỳ năm đầu (đến hạn tháng 02/2022) là 10.000.000 đồng. Nay bà K và ông D ly hôn thì Ngân hàng thống nhất với bà K, ông D là chia đôi trách nhiệm trả nợ của khoản vay 50.000.000 đồng. Bà K và ông D mỗi người có trách nhiệm trả 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ vay vốn. Tuy nợ phân kỳ đến hạn chỉ có 10.000.000 đồng nhưng nếu bà K đồng ý trả số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 30/6/2022 cho Ngân hàng Y thì Ngân hàng đồng ý. Còn phần trách nhiệm 25.000.000 đồng còn lại của ông D thì Ngân hàng chưa khởi kiện do ông D còn ở địa phương. Sau này Ngân hàng sẽ khởi kiện sau nếu ông D vi phạm nghĩa vụ.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Về hôn nhân: Đề nghị bà K được ly hôn với ông D. Con chung Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không giải quyết. Giao 01 con chung Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 04/9/2005 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà K không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà K, ông D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết các khoản nợ chung, như sau:

Khoản nợ ông Võ Văn D: Bà K, ông D phải liên đới trả cho ông Võ Văn D 30.000.000 đồng tiền gốc, nhưng được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến hết tháng 01/2023. Về lãi suất, ông Dũng không yêu cầu nên không xem xét.

Khoản nợ Ngân hàng Y: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng, bà K, ông D là chia đôi nghĩa vụ trả nợ của khoản vay 50.000.000 đồng (vay theo diện hộ cận nghèo). Bà K và ông D mỗi người có nghĩa vụ trả 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn. Tuy nợ phân kỳ đến hạn chỉ có 10.000.000 đồng nhưng bà K và Ngân hàng thống nhất bà K sẽ trả toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 30/6/2022 và tiền lãi phát sinh cho Ngân

hàng Y nên được ghi nhận. Phần trách nhiệm trả số tiền 25.000.000 đồng còn lại của ông D thì Ngân hàng chưa khởi kiện nên không xem xét.

Về khoản tiền vay và hụi theo đơn yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thu Th đã rút đơn nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng tín dụng. Về thẩm quyền: Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà K, ông D, bà Th, đại diện Ngân hàng Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị K:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông D được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà K kiên quyết xin ly hôn với ông D vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Ông D không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D đồng ý ly hôn với bà K thể hiện ông D, bà K không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà K có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Bà K xác định bà và ông D có 02 con chung. Con gái lớn tên Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Con gái nhỏ tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 04/9/2005 bà K nhường quyền nuôi con cho ông D. Bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung Thủy Tiên đang ở với ông D có cuộc sống ổn định và có nguyện vọng sống với ông D. Nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống của Thủy Tiên và ông D cũng đồng ý nuôi con chung nên giao Thủy Tiên cho ông D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà K không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà K được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84

Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Về tài sản chung bà K, ông D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

[2.3] Về nợ chung:

[2.3.1] Xét khoản nợ bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D vay của ông Võ Văn D:

Ông D và bà K thừa nhận có vay của ông Võ Văn D 30.000.000 đồng ngày 20/01/2020. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà K, ông D thừa nhận vẫn chưa trả nợ cho ông Võ Văn D. Như vậy, bà K, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Võ Văn D khởi kiện yêu cầu bà K, ông D trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Tại buổi hòa giải ngày 09/3/2022, bà K, ông D, ông Võ Văn D thống nhất bà K, ông D phải liên đới trả cho ông Võ Văn D 30.000.000 đồng tiền gốc, nhưng được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến hết tháng 01/2023. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm đạo đức, không trái quy định pháp luật nên được ghi nhận. Về lãi suất, ông Võ Văn D, ông D, bà K không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.2] Xét khoản nợ bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D vay của Ngân hàng Y:

Bà K, ông D thừa nhận có vay của Ngân hàng Y 50.000.000 đồng (vay theo diện hộ cận nghèo) ngày 09/02/2021, thời hạn vay 5 năm, lãi suất 0.66%/tháng. Nay đã đến hạn trả nợ gốc phân kỳ lần 1 là 10.000.000 đồng nhưng ông bà chưa trả tiền cho Ngân hàng. Do bà K nộp đơn ly hôn nên Ngân hàng, bà K, ông D thống nhất chia đôi nghĩa vụ trả nợ của khoản vay 50.000.000 đồng. Bà K và ông D mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn. Tuy nợ phân kỳ lần 1 đến hạn chỉ có 10.000.000 đồng nhưng bà K và Ngân hàng thống nhất bà K sẽ trả toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 30/6/2022 và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Y. Xét thấy, việc bà K tự nguyện trả nợ trước hạn cho Ngân hàng Y và được Ngân hàng đồng ý, phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Kể từ ngày 26/3/2022, bà Võ Thị K còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cho vay theo sổ vay vốn đã ký kết ngày 09/02/2021.

Còn về phần nợ 25.000.000 đồng còn lại của khoản vay ngày 09/02/2021 do ông D có nghĩa vụ trả nhưng do chưa đến hạn và Ngân hàng Y xác định không khởi kiện trong vụ án này nên Tòa án không xem xét.

[2.3.3] Xét khoản nợ vay và hụi chết theo đơn yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thu Th:

Bà Th và ông D xác định nghĩa vụ trả số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền đóng hụi chết của phiêu hụi ngày 25/5/2020 âm lịch (hụi 2.000.000 đồng) thuộc trách nhiệm cá nhân của ông D. Do bà Trần Thị Thu Th đã rút đơn nên Tòa án đình chỉ giải quyết. Về quyền khởi kiện: Bà Th được khởi kiện lại theo quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà K về ly hôn và con chung được chấp nhận. Về nợ chung, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí không giá ngạch: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Về án phí có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn D xác định gia đình ông không phải hộ nghèo và không thuộc gia đình chính sách. Do đó, bà K và ông D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Do tại buổi hòa giải ngày 09/3/2022 các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết nợ chung nên chỉ phải chịu 50% án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Bà K phải chịu 625.000 đồng án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng Y.

Bà K và ông D phải liên đới chịu 750.000 đồng án phí trên số tiền phải trả cho ông Võ Văn D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 217, 218, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Luật tổ chức tín dụng;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị K về việc "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Văn D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2/ Về con chung:

Con chung tên Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 04/9/2005 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Võ Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Văn D không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Võ Thị K được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung:

4.1/ Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ Văn D, bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D như sau:

Bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn D 30.000.000 đồng, nhưng được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến tháng 01/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Võ Văn D (đối với các khoản tiền phải trả cho Võ Văn D) cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2/ Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị K với Ngân hàng Y.

Bà Võ Thị K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Y 25.000.000 đồng vào ngày 30/6/2022.

Kể từ ngày 26/3/2022, bà Võ Thị K còn phải trả lãi cho Ngân hàng Y theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận theo Sổ vay vốn ngày 09/02/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4.3/ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thu Th về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" và "Hợp đồng vay tài sản" đối với bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn D.

Về quyền khởi kiện của bà Trần Thị Thu Th: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường

hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5/ Về án phí:

Về án phí không có giá ngạch: Bà Võ Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị K đã nộp theo biên lai thu số 0002124, ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

Về án phí có giá ngạch:

Bà Võ Thị K phải chịu 625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng Y.

Bà Võ Thị K và ông Nguyễn Văn D phải liên đới chịu 750.000 đồng án phí trên số tiền phải trả cho ông Võ Văn D.

Bà Trần Thị Thu Th không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Trần Thị Thu Th 600.000 đồng tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002188, ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

Ngân hàng Y và ông Võ Văn D không phải chịu án phí.

6/ Án xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn D được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã LT;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng